

Số: 230 /KH-UBND

Vĩnh Phong, ngày 20 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Vĩnh Phong

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch của UBND tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của xã; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, các ấp trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực khác; hỗ trợ hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và tiếp cận các dịch vụ số.

- Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân trong phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 03/8/2026 của UBND tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tiết kiệm.

- Xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, cơ quan, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, trách nhiệm của người đứng đầu và kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

- Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch về chuyển đổi số, cải cách hành chính, Đề án 06, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, các chương trình, dự án và nguồn xã hội hóa theo quy định của pháp luật; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân chủ động tham gia phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, nhân rộng các mô hình hiệu quả và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển kinh tế số và xã hội số gắn với chuyển đổi số toàn diện của xã Vĩnh Phong; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, dữ liệu làm nguồn lực, nền tảng số làm công cụ, an toàn thông tin và niềm tin số làm điều kiện xuyên suốt. Phấn đấu đến năm 2030, hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, sản xuất nông nghiệp, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa và an sinh xã hội trên địa bàn được hỗ trợ hiệu quả bằng công nghệ số; người dân có kỹ năng và điều kiện sử dụng các dịch vụ số thiết yếu an toàn, thuận tiện.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Hạ tầng và tiếp cận số

Phấn đấu 100% hộ gia đình có nhu cầu và đủ điều kiện được tiếp cận Internet băng rộng cáp quang; phối hợp doanh nghiệp viễn thông nâng cao chất lượng phủ sóng 4G, 5G, hướng tới 5G phủ sóng 99% dân số theo mục tiêu của tỉnh; cơ quan công sở xã, Trung tâm phục vụ Hành chính công, trường học và Trạm Y tế có kết nối ổn định, an toàn.

b) Định danh và giao dịch số

100% công dân từ đủ 14 tuổi trở lên đủ điều kiện được cấp căn cước và tài khoản định danh điện tử; phấn đấu 95% người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác; trên 70% người từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

c) Kỹ năng số

100% cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động tại các cơ quan, đơn vị có liên quan được bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng AI an toàn và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin; phần đầu 100% người dân trong độ tuổi lao động được tiếp cận ít nhất một hình thức đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.

d) Dịch vụ công và quản trị số

100% hồ sơ công việc đủ điều kiện được xử lý trên môi trường điện tử và ký số theo quy định; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến, thanh toán trực tuyến và trả kết quả điện tử; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu đã số hóa và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp qua từng năm.

đ) Kinh tế số

Phần đầu 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ kinh doanh có nhu cầu được tuyên truyền, tư vấn hoặc kết nối chương trình hỗ trợ chuyển đổi số; ưu tiên cơ sở sản xuất nông nghiệp, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và dịch vụ thiết yếu.

e) Thương mại và thanh toán số

100% sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng còn hoạt động của xã được hỗ trợ quảng bá trên môi trường số và từng bước áp dụng mã QR, truy xuất nguồn gốc khi đủ điều kiện; tăng tỷ lệ cơ sở kinh doanh chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; chợ, điểm bán hàng và dịch vụ thiết yếu được tuyên truyền triển khai thanh toán số.

g) Y tế, giáo dục và an sinh xã hội

Triển khai đồng bộ sở sức khỏe điện tử, định danh y tế, hồ sơ sức khỏe và các nền tảng giáo dục số theo hướng dẫn chuyên ngành; 100% đối tượng an sinh đủ điều kiện, có tài khoản được vận động nhận trợ cấp qua phương thức không dùng tiền mặt.

h) An toàn số

100% hệ thống thông tin, thiết bị đầu cuối thuộc phạm vi quản lý của xã được áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, diễn tập hoặc bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống lừa đảo trực tuyến, mã độc và bảo vệ dữ liệu cá nhân hằng năm; các sự cố được tiếp nhận, báo cáo và phối hợp xử lý kịp thời.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế số, xã hội số đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong triển khai các nhiệm vụ; lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số với các

chương trình, đề án về chuyển đổi số, cải cách hành chính, Đề án 06, xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện.

2. Phát triển hạ tầng số thiết yếu, đồng bộ và an toàn

- Rà soát hiện trạng mạng truyền số liệu chuyên dùng, Internet, mạng nội bộ, máy tính, thiết bị hợp trực tuyến, thiết bị số hóa và các điểm truy cập tại trụ sở xã, Trung tâm phục vụ Hành chính công, trường học, Trạm Y tế. Xây dựng nhu cầu nâng cấp theo thứ tự ưu tiên; khai thác hiệu quả thiết bị hiện có, bố trí thiết bị dùng chung và thực hiện bảo trì định kỳ.

- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông khảo sát các khu vực tín hiệu yếu, khu dân cư phân tán và vùng sản xuất; đề nghị mở rộng cáp quang, nâng chất lượng 4G, 5G. Khuyến khích triển khai điểm thanh toán số, mã QR và các tiện ích số tại chợ, cơ sở kinh doanh, trường học, Trạm Y tế và các địa điểm phục vụ cộng đồng.

3. Phát triển, khai thác nền tảng số và dữ liệu số

- Sử dụng thống nhất các nền tảng số quốc gia, nền tảng dùng chung của tỉnh và hệ thống chuyên ngành; không tự đầu tư nền tảng riêng khi đã có hệ thống dùng chung đáp ứng yêu cầu. Tăng cường khai thác VNeID, Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, quản lý văn bản, báo cáo, hộ tịch, đất đai, an sinh, y tế, giáo dục và các cơ sở dữ liệu được phân quyền.

- Thường xuyên rà soát, làm sạch, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi xã; số hóa hồ sơ theo quy định, gắn kết quả số hóa với giải quyết công việc và tái sử dụng dữ liệu. Cung cấp, công khai dữ liệu mở theo danh mục và hướng dẫn của tỉnh, đồng thời bảo đảm bí mật Nhà nước, dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ và an ninh dữ liệu.

4. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức về sử dụng AI trong tổng hợp thông tin, dự thảo văn bản, tra cứu, phân tích dữ liệu và hỗ trợ giải quyết công việc. Việc sử dụng AI phải có kiểm tra của người có thẩm quyền; không nhập bí mật Nhà nước, dữ liệu cá nhân nhạy cảm hoặc tài liệu nội bộ chưa được phép lên công cụ công cộng; không sử dụng kết quả AI thay thế trách nhiệm chuyên môn.

- Khuyến khích hợp tác xã, hộ kinh doanh, trường học, cơ sở y tế và người dân tiếp cận các công cụ AI phù hợp trong quảng bá sản phẩm, chăm sóc khách hàng, học tập, quản lý sản xuất và cảnh báo rủi ro. Lựa chọn mô hình nhỏ, chi phí hợp lý, có khả năng đo lường hiệu quả để thí điểm và nhân rộng.

5. Phát triển nguồn nhân lực số và kỹ năng số

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh và người dân; thúc đẩy phong trào học tập, phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng.

6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và xây dựng niềm tin số

- Thực hiện bảo vệ nhiều lớp đối với hệ thống, tài khoản và thiết bị thuộc xã; quản lý chặt tài khoản, mật khẩu, phân quyền truy cập, chữ ký số, thiết bị lưu trữ; cập nhật phần mềm, sao lưu dữ liệu và kiểm tra lỗ hổng theo hướng dẫn. Khi xảy ra sự cố, kịp thời cô lập, bảo toàn thông tin, báo cáo và phối hợp cơ quan chuyên môn xử lý.

- Duy trì tuyên truyền nhận diện lừa đảo, giả mạo, chiếm đoạt tài khoản, tin dụng đen, tin giả và nội dung độc hại; phổ biến kỹ năng bảo vệ trẻ em, người cao tuổi và nhóm dễ bị tổn thương trên môi trường số. Công an xã, Tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tiếp nhận phản ánh, cảnh báo sớm tới người dân.

7. Phát triển công dân số, kỹ năng số và văn hóa số

- Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, tập trung hỗ trợ cài đặt, sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số cá nhân, thanh toán số, sổ sức khỏe điện tử và kỹ năng phòng tránh lừa đảo. Tổ chức các đợt cao điểm gắn với Ngày Chuyển đổi số quốc gia và nhiệm vụ thực tế của xã.

- Phối hợp trường học, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo tổ chức lớp, buổi hướng dẫn hoặc tài liệu ngắn theo từng nhóm đối tượng. Xây dựng văn hóa ứng xử văn minh, có trách nhiệm trên không gian mạng; khuyến khích người dân kiểm chứng thông tin, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ động phản ánh nội dung vi phạm.

8. Phát triển kinh tế số, xã hội số trong các ngành, lĩnh vực

8.1. Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại và dịch vụ

- Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất áp dụng nhật ký điện tử, mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, bản đồ số, dự báo thời tiết, thông tin thị trường và các nền tảng phù hợp; ưu tiên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và sản phẩm đặc trưng có tiềm năng của xã. Kết nối chương trình hỗ trợ của tỉnh, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp bưu chính.

- Hướng dẫn cơ sở kinh doanh tạo hiện diện số, sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, bán hàng đa kênh và bảo vệ người tiêu dùng. Hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, hình ảnh nông thôn và giá trị văn hóa của Vĩnh Phong trên cổng thông tin, mạng xã hội chính thống và sàn thương mại điện tử phù hợp.

8.2. Phát triển xã hội số trong y tế, giáo dục, lao động và an sinh

- Trạm Y tế xã triển khai các nền tảng y tế số, sổ sức khỏe điện tử, quản lý tiêm chủng, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và thanh toán không dùng tiền mặt theo hướng dẫn; tuyên truyền người dân sử dụng hồ sơ sức khỏe, đặt lịch và tra cứu thông tin y tế an toàn.

- Các trường học khai thác cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, học liệu số và phương thức thanh toán số; trang bị kỹ năng số, an toàn mạng và sử dụng AI có trách nhiệm cho giáo viên, học sinh.

- Phòng Văn hóa - Xã hội cập nhật dữ liệu người lao động, đối tượng bảo trợ, người có công và phối hợp chi trả an sinh không dùng tiền mặt, bảo đảm đúng đối tượng, công khai, thuận tiện.

8.3. Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Cập nhật, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý Nhà nước theo phân cấp. Ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích người dân phản ánh hiện trường, các vấn đề về môi trường thông qua các nền tảng số.

8.4. Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và các dịch vụ tài chính số; khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân và doanh nghiệp.

9. Số hóa văn hóa, truyền thông và quảng bá

- Rà soát, lựa chọn tư liệu về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, sản phẩm đặc trưng và hoạt động cộng đồng của xã để số hóa, lưu trữ và giới thiệu trên môi trường số; ưu tiên tư liệu có nguồn gốc rõ ràng, được phép sử dụng. Khuyến khích xây dựng ảnh, video, bản đồ số và nội dung ngắn phục vụ tuyên truyền, giáo dục truyền thống và quảng bá hình ảnh.

- Duy trì tin, bài, chuyên mục về kinh tế số, xã hội số trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin và kênh số của xã; kịp thời giới thiệu mô hình hay, cảnh báo rủi ro và hướng dẫn dịch vụ số thiết yếu. Nội dung truyền thông phải ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm dân cư.

10. Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và huy động nguồn lực

- Tăng cường phối hợp với Trường Đại học Kiên Giang, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ để đào tạo kỹ năng, tư vấn giải pháp và triển khai mô hình phù hợp. Khuyến khích xã hội hóa trên nguyên tắc công khai, tự nguyện, đúng quy định; ưu tiên giải pháp dùng chung, chi phí thấp, có thể duy trì lâu dài.

- Kịp thời đề xuất nhu cầu đầu tư, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật với cơ quan cấp tỉnh; lồng ghép nguồn lực từ chương trình chuyển đổi số, cải cách hành chính, nông thôn mới, giảm nghèo, giáo dục, y tế, xúc tiến thương mại và các nguồn hợp pháp khác.

11. Theo dõi, đánh giá, sơ kết và nhân rộng mô hình

- Xây dựng bộ dữ liệu theo dõi các chỉ tiêu của Kế hoạch; phân công đầu mối cập nhật, đối chiếu và lưu minh chứng. Định kỳ hằng năm đánh giá mức hoàn thành theo sản phẩm, kết quả sử dụng và tác động thực tế, không chỉ theo số lượng hoạt động.

- Tổ chức sơ kết khi cần thiết và tổng kết giai đoạn 2026 - 2030; biểu dương tập thể, cá nhân, Tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất có

cách làm hiệu quả. Chủ động điều chỉnh hoặc đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ khi không còn phù hợp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn dự toán cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, được bảo đảm từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, bố trí trong dự toán hằng năm và huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn; tham mưu xây dựng kế hoạch hằng năm; tổng hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, kỹ năng số, an toàn thông tin, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số; tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

- Chủ trì, tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu UBND xã báo cáo về UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Chủ trì, đẩy mạnh quản trị số, xử lý hồ sơ điện tử, ký số, khai thác hệ thống quản lý văn bản, báo cáo và dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành; phối hợp bảo đảm hạ tầng, thiết bị, tài khoản và an toàn thông tin tại trụ sở. Theo dõi việc lồng ghép nhiệm vụ vào chương trình công tác của UBND xã.

3. Trung tâm phục vụ Hành chính công

- Tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử. Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần; thanh toán trực tuyến, sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID), chữ ký số cá nhân và các tiện ích số trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật, lưu trữ và khai thác dữ liệu điện tử theo quy định; bảo đảm tỷ lệ số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Phối hợp với các phòng chuyên môn khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung nhằm rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, giảm yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

4. Phòng Kinh tế

- Tham mưu UBND xã cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng ngân sách và quy định của pháp luật. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Chủ trì, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, hợp tác xã và Chương trình OCOP. Hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh.

5. Công an xã

Chủ trì, triển khai nhiệm vụ thuộc Đề án 06, căn cước, định danh điện tử và bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo chức năng; tuyên truyền, cảnh báo, tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển xử lý các hành vi lừa đảo, vi phạm trên không gian mạng. Phối hợp kiểm tra an toàn dữ liệu cá nhân và hướng dẫn người dân sử dụng VNeID.

6. Trạm Y tế xã

Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế theo hướng dẫn của ngành; phối hợp thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, sổ sức khỏe điện tử và các nền tảng số phục vụ khám, chữa bệnh.

7. Các đơn vị trường học trên địa bàn

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị nhà trường, dạy học và kiểm tra, đánh giá; khai thác hiệu quả học liệu số và các nền tảng giáo dục số. Tăng cường giáo dục kỹ năng số, kỹ năng sử dụng Internet an toàn và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đúng mục đích cho học sinh.

- Phối hợp triển khai các hoạt động phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng khi được UBND xã giao.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia; hỗ trợ nhóm yếu thế tiếp cận dịch vụ số; giám sát việc thực hiện, phản ánh nhu cầu và khó khăn từ cơ sở. Phối hợp tổ chức các đợt hướng dẫn kỹ năng số, thanh toán số và phòng chống lừa đảo.

9. Trưởng ấp các ấp và Tổ công nghệ số cộng đồng

Nắm nhu cầu, trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu; cập nhật kết quả, khó khăn và phản ánh về UBND xã. Mỗi ấp chủ động lựa chọn cách làm phù hợp, ưu tiên hỗ trợ tại hộ gia đình, khu dân cư và các điểm sinh hoạt cộng đồng.

10. Đề nghị doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng, bưu chính, doanh nghiệp công nghệ

Phối hợp khảo sát, nâng cấp hạ tầng, bảo đảm chất lượng dịch vụ; cung cấp giải pháp, tài liệu và nhân lực hỗ trợ phổ cập kỹ năng số, chữ ký số, thanh toán

số, thương mại điện tử và an toàn số. Việc phối hợp thực hiện phải tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi và dữ liệu của khách hàng.

11. Đề nghị các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn xã

Chủ động tham gia chương trình hỗ trợ, ứng dụng công nghệ số phù hợp nhu cầu; cung cấp số liệu phục vụ đánh giá theo quy định; bảo đảm an toàn tài khoản, dữ liệu và tuân thủ pháp luật trong giao dịch số. Khuyến khích chia sẻ mô hình hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn.

12. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ gửi kết quả và minh chứng về Phòng Văn hóa - Xã hội trước ngày 05 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất. Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ theo thời hạn được cơ quan có thẩm quyền quy định. Mốc thời gian nội bộ được điều chỉnh khi tình ban hành hướng dẫn báo cáo riêng.

UBND xã đề nghị các cơ quan, đơn vị, các ấp trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này. /.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các ấp, Tổ CNSCĐ;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, lcttham.



Nguyễn Văn Sỹ



PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 230 /KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Vĩnh Phong)

ST T	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
1	Rà soát, ban hành hoặc cập nhật quy chế quản lý, khai thác dữ liệu, tài khoản, chữ ký số và an toàn thông tin của xã.	Văn phòng HĐND và UBND	Phòng VHXX, Công an xã	2026; cập nhật khi cần	Quy chế/văn bản hướng dẫn được ban hành.
2	Rà soát hiện trạng hạ tầng, thiết bị, kết nối mạng và nhu cầu đầu tư tại trụ sở, Trung tâm PVHCC, trường học, trạm y tế.	Phòng VHXX	Phòng Kinh tế, Văn phòng HĐND và UBND	Hàng năm	Danh mục hiện trạng, nhu cầu và thứ tự ưu tiên.
3	Khảo sát điểm lôm sóng, khu vực chất lượng Internet thấp; đề nghị doanh nghiệp viễn thông nâng cấp cáp quang, 4G, 5G.	Phòng VHXX	Các ấp, doanh nghiệp viễn thông	2026-2030	Biên bản/danh sách vị trí và kết quả phối hợp.
4	Duy trì xử lý hồ sơ điện tử, ký số, báo cáo số và khai thác nền tảng điều hành dùng chung.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị	Thường xuyên	Tỷ lệ hồ sơ điện tử, ký số và báo cáo đúng hạn tăng hằng năm.
5	Hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, VNeID, chữ ký số và trả kết quả điện tử.	Trung tâm PVHCC	Công an xã, Tổ CNSCĐ	Thường xuyên	Các đợt hỗ trợ; số hồ sơ trực tuyến và giao dịch số được theo dõi.
6	Rà soát, làm sạch, cập nhật dữ liệu hộ tịch, dân cư, an sinh, lao động và dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi xã.	Các cơ quan theo lĩnh vực	Công an xã, Phòng VHXX	Thường xuyên	Dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống; biên bản/kết quả rà soát.
7	Tập huấn sử dụng AI có trách nhiệm, kỹ năng dữ liệu và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức.	Phòng VHXX	Văn phòng, Công an xã, đơn vị đào tạo	Ít nhất 01 đợt/năm	Lớp tập huấn, tài liệu, danh sách người tham dự.
8	Kiểm tra, cập nhật phần mềm, phân quyền, sao lưu dữ liệu; tổ chức tuyên truyền hoặc diễn tập xử lý sự cố.	Văn phòng HĐND và UBND	Công an xã, Phòng VHXX	Hàng năm	Hồ sơ kiểm tra, sao lưu; phương án/kịch bản xử lý sự cố.

ST T	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
9	Tuyên truyền phòng chống lừa đảo, bảo vệ dữ liệu cá nhân, trẻ em và nhóm yếu thế trên môi trường số.	Công an xã	Phòng VHXH, MTTQ, đoàn thể	Thường xuyên	Tin, bài, cảnh báo, buổi tuyên truyền.
10	Tổ chức chiến dịch phổ cập kỹ năng số tại các ấp, hỗ trợ trực tiếp tại hộ gia đình và điểm cộng đồng.	Phòng VHXH	Các ấp, Tổ CNSCĐ, đoàn thể	Ít nhất 02 đợt/năm	Số lượt người được hỗ trợ; nội dung và kết quả từng đợt.
11	Vận động cấp căn cước, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử cho công dân đủ điều kiện.	Công an xã	Các ấp, Tổ CNSCĐ	2026-2030	Tỷ lệ công dân đủ điều kiện được cấp và kích hoạt.
12	Phổ cập chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân và thanh toán không dùng tiền mặt.	Phòng VHXH	Ngân hàng, viễn thông, các ấp	2026-2030	Số lượt đăng ký; tỷ lệ người dân sử dụng tăng hằng năm.
13	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đánh giá nhu cầu và lựa chọn giải pháp chuyển đổi số.	Phòng Kinh tế	Phòng VHXH, doanh nghiệp công nghệ	Hằng năm	Danh sách nhu cầu; số cơ sở được tư vấn/hỗ trợ.
14	Hỗ trợ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng áp dụng mã QR, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và bán hàng số khi đủ điều kiện.	Phòng Kinh tế	Phòng VHXH, bưu chính, HTX	2026-2030	Sản phẩm có nội dung số, mã QR hoặc kênh bán hàng phù hợp.
15	Hướng dẫn cơ sở kinh doanh, chợ và điểm dịch vụ triển khai mã QR, thanh toán số, hóa đơn điện tử.	Phòng Kinh tế	Cơ quan thuế, ngân hàng, Tổ CNSCĐ	Hằng năm	Số cơ sở chấp nhận thanh toán số tăng hằng năm.
16	Hỗ trợ ứng dụng nền tảng số, dữ liệu, nhật ký điện tử, thông tin thị trường và truy xuất nguồn gốc trong nông nghiệp.	Phòng Kinh tế	HTX, tổ hợp tác, hộ nông dân	2026-2030	Mô hình/đối tượng được hướng dẫn và kết quả ứng dụng.
17	Triển khai sổ sức khỏe điện tử, định danh y tế, nền tảng y tế số và thanh toán số theo hướng dẫn.	Trạm Y tế	Phòng VHXH, Công an xã	Theo lộ trình ngành y tế	Tỷ lệ người dân có và sử dụng hồ sơ/sổ sức khỏe điện tử.
18	Triển khai cơ sở dữ liệu giáo dục, học bạ số, học liệu số; giáo dục kỹ năng số và AI an toàn.	Các trường học	Phòng VHXH, Công an xã	Theo năm học	Dữ liệu cập nhật; hoạt động giáo dục kỹ năng số.

ST T	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
19	Cập nhật dữ liệu lao động, an sinh; mở rộng chi trả chính sách không dùng tiền mặt.	Phòng VHXH	Các ấp, ngân hàng, bưu chính	Thường xuyên	Dữ liệu được cập nhật; tỷ lệ chi trả qua tài khoản tăng.
20	Số hóa, lưu trữ, giới thiệu tư liệu văn hóa, cảnh quan, sản phẩm đặc trưng của xã.	Phòng VHXH	Các ấp, đoàn thể, trường học	2026-2030	Bộ ảnh/video/tư liệu số có nguồn gốc rõ ràng.
21	Phối hợp Trường Đại học Kiên Giang, doanh nghiệp và tổ chức liên quan triển khai đào tạo, tư vấn, mô hình thử nghiệm.	Phòng VHXH	Phòng Kinh tế, các đơn vị	Hàng năm	Kế hoạch phối hợp/hoạt động/mô hình cụ thể.
22	Theo dõi bộ chỉ tiêu, thu thập minh chứng và báo cáo kết quả thực hiện.	Phòng VHXH	Các cơ quan, đơn vị	Hàng năm	Bảng theo dõi chỉ tiêu; báo cáo đúng thời hạn.
23	Sơ kết, tổng kết, biểu dương và nhân rộng mô hình hiệu quả.	Phòng VHXH	Các cơ quan, đơn vị	Sơ kết khi cần; tổng kết 2030	Báo cáo sơ kết/tổng kết; mô hình được giới thiệu, nhân rộng.

